TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/DS-ST
Ngày: 27-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình
2. Ông Trần Văn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-DS ngày 22/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 36/2024/QĐST-DS ngày 10/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trang Trọng H, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Trần Huy H1, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp Thị T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông Trang Trọng H có mặt. Bị đơn ông Trần Huy H1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn (ông Trang Trọng H) trình bày:

Ông Trang Trọng H và ông Trần Huy H1 có mối quan hệ năm 2022 thì ông H và ông H1 cùng làm Công ty K1 – sản xuất lớp vải bố xe ở Bình Dương nên quen biết.

Ông Trang Trọng H có cho ông Trần Huy H1 vay số tiền 46.000.000 đồng thể hiện tại 04 chứng cứ thể hiện nội dung chuyển tiền từ số tài khoản 100700202203 tại Ngân hàng TNHH MTV W của ông Trang Trọng H đến số tài khoản 1038706013 tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện D, tỉnh Bình Dương (Viết tắt là Ngân hàng V) mang tên ông Trần Huy H1 số tiền 10.000.000 đồng ngày 27/8/2023; số tiền 6.000.000 đồng ngày 19/9/2023; số tiền 10.000.000 đồng ngày 01/10/2023; số tiền 20.000.000 đồng ngày 07/11/2023. Tổng số vay 46.000.000 đồng và ông Trần Huy H1 nói sử dụng số tiền này vào mục đích làm ăn cá nhân.

Khi vay tiền thì hai bên không có thỏa thuận tiền lãi gì và ngoài số tiền 46.000.000 đồng thì phía ông Trần Huy H1 không có vay tiền gì của ông Trang Trọng H. Trước khi làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thì ông H có yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền vay 46.000.000 đồng nhưng phía ông Hậu c hứa hẹn không thanh toán mà không rõ lý do nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn (ông Trần Huy H1) trình bày: Do phía bị đơn không có mặt tham gia buổi hòa giải, xét xử nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu tại phiên tòa:

Quan hệ pháp luật của vụ kiện là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản". Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đúng đầy đủ, tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ, nhận thấy: Nguyên đơn ông H cho rằng ông H đã chuyển khoản cho ông H1 04 lần, cụ thể:

Lần 1: ngày 27/8/2023, ông H chuyển số tiền 10.000.000 đồng từ số tài khoản của ông H 100700202203 vào số tài khoản của ông H1 1038706013 thuộc ngân hàng V.

Lần 2: ngày 19/9/2023, ông H chuyển số tiền 6.000.000 đồng từ số tài khoản của ông H 100700202203 vào số tài khoản của ông H1 1038706013 thuộc ngân hàng V.

Lần 3: ngày 01/10/2023, ông H chuyển số tiền 10.000.000 đồng từ số tài khoản của ông H 100700202203 vào số tài khoản của ông H1 1038706013 thuộc ngân hàng V.

Lần 4: ngày 07/11/2023, ông H chuyển số tiền 20.000.000 đồng từ số tài khoản của ông H 100700202203 vào số tài khoản của ông H1 1038706013 thuộc ngân hàng V.

Do là bạn bè nên sau khi chuyển tiền cho mượn, ông H không yêu cầu ông H1 ký giấy mượn tiền.

Đến nay, do ông H1 không trả tiền cho ông H nên ông H khởi kiện. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông H1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông H1. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, toà án thu thập và quy định của pháp luật tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, buộc bị đơn ông H1 trả cho nguyên đơn ông H số tiền 46.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2023, nguyên đơn ông Trang Trọng H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Huy H1 thanh toán số tiền vay 46.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện phía bị đơn ông Trần Huy H1 hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Huy H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Huy H1 theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn ông Trang Trọng H có cung cấp cho Tòa án 04 chứng cứ thể hiện nội dung ông Trần Huy H1 có vay của ông Trang Trọng H tổng số tiền 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng) bằng hình thức chuyển tiền từ số tài khoản 100700202203 tại Ngân hàng TNHH MTV W của ông Trang Trọng H đến số tài khoản 1038706013 tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B mang tên ông Trần Huy H1, cụ thể: Số tiền 10.000.000 đồng chuyển khoản ngày 27/8/2023; số tiền 6.000.000 đồng chuyển khoản ngày 19/9/2023; số tiền 10.000.000 đồng chuyển khoản ngày 01/10/2023; số tiền 20.000.000 đồng chuyển khoản ngày

07/11/2023. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 160/2024/QĐ-CCCC ngày 11/6/2024 để yêu cầu Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B (viết tắt V) cung cấp thông tin số tài khoản và sao kê các lần giao dịch chuyển tiền giữa ông Trang Trọng H và ông Trần Huy H1. Tại văn bản số 185/BBD-KT.CCTT ngày 20/6/2024 của Ngân hàng V xác định số tài khoản 1038706013 tại Ngân hàng V là của ông Trần Huy H1, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp Thị T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, đồng thời đối chiếu các bản sao kê tài khoản số 1038706013 ngày 27/8/2023, ngày 19/9/2023, ngày 01/10/2023, ngày 07/11/2023 thì phù hợp với tổng số tiền 46.000.000 đồng mà bị đơn ông Trần Huy H1 đã nhận như lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Trần Huy H1 làm việc, đồng thời tiến hành niêm yết công khai 04 chứng cứ chuyển tiền mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Sau đó, Tòa án đã tiến hành 02 lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đảm bảo quyền lợi của mình nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt, tự ý từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến của bị đơn. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 46.000.000 đồng là hoàn toàn có thật và đến thời hạn thanh toán phía ông Trần Huy H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trang Trọng H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 46.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[3] Xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Trần Huy H1 phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả lại cho ông Trang Trọng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 775.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 68, 147, 186, 235, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trang Trọng H đối với ông Trần Huy H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông Trần Huy H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trang Trọng H số tiền 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày ông Trang Trọng H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Trần Huy H1 chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Huy H1 phải nộp số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho ông Trang Trọng H (do ông Trang Trọng K nộp thay) 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002488 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2024).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Nam